

Số 2279/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 10 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định phân công trách nhiệm, cơ chế phối hợp trong mô hình
quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Chiến lược dữ liệu tỉnh Điện Biên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung tỉnh Điện Biên (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục Dữ liệu chủ, Dữ liệu gốc tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ trường thông tin Dữ liệu chủ, Dữ liệu gốc tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 4856/BCA-TTDLQG ngày 14/9/2026 của Bộ Công an về việc hướng dẫn triển khai Quyết định số 2439/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 5851/CAT-PC06 ngày 6/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công trách nhiệm, cơ chế phối hợp trong mô hình quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin, hội nghị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
HỌ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)
Nguyễn Văn Đoạt

QUY ĐỊNH

Phân công trách nhiệm, cơ chế phối hợp trong mô hình quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong mô hình tổ chức quản trị, quản lý dữ liệu trên địa bàn tỉnh Điện Biên, thực hiện theo Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Công văn số 4856/BCA-TTDLQG.

2. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh. Đối với dữ liệu, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, tài liệu lưu trữ, việc quản lý thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh (CDO tỉnh): là cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều phối chung công tác quản trị, quản lý dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo mô hình quy định tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg.

2. Bộ phận chuyên trách: Là cơ quan, đơn vị được phân công đảm nhiệm một trong 05 chức năng: Tuân thủ, Quản trị dữ liệu, Kỹ thuật dữ liệu, Tạo lập dữ liệu, Đổi mới sáng tạo, theo mô hình quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, trong đó: Bộ phận Tuân thủ thuộc Tầng quản lý nhà nước và thực thi pháp luật, 04 Bộ phận còn lại (sau đây gọi là Bộ phận vận hành) thuộc Tầng quản trị, quản lý dữ liệu nội bộ theo Điều 4 Quy định này.

3. Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành (Data Steward): Là công chức, viên chức được Thủ trưởng sở, ban, ngành phân công kiêm nhiệm làm đầu mối về dữ liệu thuộc từng lĩnh vực, miền dữ liệu chuyên ngành trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình; một sở, ban, ngành quản lý nhiều lĩnh vực, miền dữ liệu có thể bố trí nhiều Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành tương ứng.

4. Đầu mối dữ liệu cấp xã: Là cán bộ, công chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công kiêm nhiệm làm đầu mối trực tiếp thực hiện số hóa, nhập liệu, cập nhật dữ liệu tại nguồn và phối hợp thực hiện nhiệm vụ dữ liệu tại

địa bàn. Đầu mỗi dữ liệu cấp xã không đồng thời là Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành (Data Steward) quy định tại khoản 3 Điều này.

5. LDOP tỉnh: là Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh, được nâng cấp từ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) hiện có, là đầu mối kỹ thuật duy nhất của tỉnh để kết nối với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP).

6. Các thuật ngữ khác được hiểu theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và các Hướng dẫn kèm theo Công văn số 4856/BCA-TTDLQG.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đúng thẩm quyền, đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công; không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ.

2. Tuân thủ nguyên tắc một dữ liệu - một nguồn tạo lập; dữ liệu do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tạo lập theo quy định của pháp luật thì cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật, làm sạch và bảo đảm chất lượng dữ liệu tại nguồn.

3. Việc chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu thực hiện đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng đối tượng theo nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu; được ghi nhận, giám sát, truy vết đầy đủ; không làm thay đổi quyền sở hữu, quyền quản lý và trách nhiệm của cơ quan quản lý dữ liệu gốc.

4. Mọi hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành Trung ương thực hiện thống nhất qua Nền tảng NDOP và LDOP tỉnh; không thiết lập kết nối điểm - điểm ngoài NDOP khi chưa được Trung tâm Dữ liệu quốc gia thống nhất.

5. Việc phân công thực hiện chức năng các Bộ phận chuyên trách, Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành, đầu mối dữ liệu cấp xã theo Quy định này không mặc nhiên làm phát sinh biên chế, không bắt buộc thành lập tổ chức mới; ưu tiên bố trí trong phạm vi bộ máy, nhân sự hiện có, theo hình thức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phù hợp với thực tiễn, quy mô của từng cơ quan, đơn vị.

6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản trị, quản lý dữ liệu được đưa vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm của cơ quan, đơn vị, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu theo quy định hiện hành.

7. Bảo đảm tính độc lập của Bộ phận Tuân thủ trong hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm quy định tại Điều 8 Quy định này; Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh không can thiệp vào kết luận giám sát, xử lý vi phạm của Bộ phận Tuân thủ.

8. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hoặc tổ chức thuê dịch vụ hạ tầng, lưu trữ, điện toán và các dịch vụ kỹ thuật có liên quan theo quy định; chịu trách nhiệm về dữ liệu, tính

liên tục của hệ thống, an toàn, bảo mật và việc lựa chọn, quản lý nhà cung cấp dịch vụ trong phạm vi được giao. Việc hệ thống, cơ sở dữ liệu được lưu trữ trên hạ tầng của tỉnh, Trung tâm Dữ liệu quốc gia hoặc hạ tầng của tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định không làm thay đổi trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu.

Chương II

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ DỮ LIỆU TỈNH

Điều 4. Phân tầng và cấu phần mô hình tổ chức

1. Mô hình tổ chức quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Điện Biên được tổ chức theo 02 (hai) tầng quản lý, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã:

a) Tầng 1 - Quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về dữ liệu: Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Dữ liệu và pháp luật có liên quan; Công an tỉnh là cơ quan đầu mối, trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dữ liệu, đồng thời chủ trì Bộ phận Tuân thủ theo Điều 7, Điều 8 Quy định này.

b) Tầng 2 - Quản trị, quản lý dữ liệu nội bộ (vận hành): do Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh (CDO tỉnh) điều hành, thông qua 04 Bộ phận vận hành (Quản trị dữ liệu, Kỹ thuật dữ liệu, Tạo lập dữ liệu, Đổi mới sáng tạo) và 02 mạng lưới thực thi tại cơ sở (Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành và đầu mối dữ liệu cấp xã) quy định tại Điều 9, Điều 10 Quy định này.

2. Cấu phần cụ thể của mô hình gồm:

a) Thuộc Tầng 1: Ban Chỉ đạo tỉnh; Công an tỉnh (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, Bộ phận Tuân thủ).

b) Thuộc Tầng 2: Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh (CDO tỉnh); 04 Bộ phận vận hành (Quản trị dữ liệu, Kỹ thuật dữ liệu, Tạo lập dữ liệu, Đổi mới sáng tạo); Mạng lưới Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành (Data Steward) tại các Sở, ban, ngành; Mạng lưới đầu mối dữ liệu cấp xã tại Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Điều 5. Ban Chỉ đạo tỉnh và Cơ quan Thường trực

1. Ban Chỉ đạo tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đứng đầu, chỉ đạo thống nhất công tác quản trị, quản lý dữ liệu trên địa bàn tỉnh; việc kiện toàn, tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện theo Quy định số 215-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị; tỉnh thống nhất kiện toàn một Ban Chỉ đạo duy nhất, không tổ chức thêm Ban Chỉ đạo riêng về dữ liệu song song.

2. Công an tỉnh là Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu trên địa bàn

tính theo Điều 12 Quy định này; giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung việc triển khai công tác quản trị, quản lý dữ liệu của tỉnh và làm đầu mối liên hệ, báo cáo Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Thực hiện chức năng Bộ phận Tuân thủ theo Điều 7, Điều 8 Quy định này.

Điều 6. Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh (CDO tỉnh)

CDO tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ đảm nhiệm, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh về công tác điều phối chuyên môn, kỹ thuật đối với 04 Bộ phận vận hành: Quản trị dữ liệu, Kỹ thuật dữ liệu, Tạo lập dữ liệu, Đổi mới sáng tạo, bao gồm: xây dựng, đề xuất chiến lược, kế hoạch về quản trị, phát triển dữ liệu của tỉnh; trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động thường xuyên của 04 Bộ phận vận hành; chủ trì tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy chế phân quyền truy cập dữ liệu tổng thể của tỉnh; thẩm định, phê duyệt các yêu cầu phối hợp, cấp quyền truy cập gửi Trung tâm Dữ liệu quốc gia do Bộ phận Quản trị dữ liệu trình. CDO tỉnh không có thẩm quyền chỉ đạo, can thiệp vào hoạt động kiểm tra, giám sát, kết luận và xử lý vi phạm của Bộ phận Tuân thủ theo nguyên tắc quy định tại khoản 7 Điều 3 và Điều 8 Quy định này.

Điều 7. Các Bộ phận chuyên trách

05 Bộ phận chuyên trách gồm Bộ phận Tuân thủ (thuộc Tầng 1, do Công an tỉnh chủ trì, hoạt động độc lập theo Điều 8 Quy định này) và 04 Bộ phận vận hành (thuộc Tầng 2, do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì với tư cách là cơ quan được giao bố trí CDO tỉnh theo Điều 6 Quy định này), được tổ chức trong phạm vi bộ máy hiện có của cơ quan, đơn vị được phân công, không thành lập tổ chức, đơn vị mới, cụ thể:

1. Bộ phận Tuân thủ (Tầng 1), do Công an tỉnh chủ trì, hoạt động độc lập theo Điều 8 Quy định này, thực hiện chức năng: Kiểm tra việc tuân thủ quy tắc, quy trình, thời hạn xử lý sự cố chất lượng dữ liệu; giám sát bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, an toàn thông tin, phân quyền truy cập; kiểm tra độc lập kết quả khắc phục; không trực tiếp sửa đổi dữ liệu nguồn.

2. Bộ phận Quản trị dữ liệu (Tầng 2), do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thực hiện chức năng: Xây dựng, quản lý từ điển dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, quy tắc và ngưỡng chất lượng dữ liệu; quản lý Sổ tay theo dõi sự cố; là đầu mối chính, cơ quan thường trực phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia về chính sách, nghiệp vụ, cấp quyền truy cập, tạo lập, đổi mới sáng tạo dữ liệu; chủ trì xây dựng, điều phối Mạng lưới Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành; điều phối xác minh, hòa giải, xử lý mâu thuẫn dữ liệu, tranh chấp nghiệp vụ trong nội bộ tỉnh.

3. Bộ phận Kỹ thuật dữ liệu (Tầng 2), do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thực hiện chức năng: Chuyển hóa quy tắc nghiệp vụ thành quy tắc kỹ thuật; xây dựng, vận hành công cụ rà quét, phát hiện lỗi dữ liệu; quản trị, vận hành LDOP tỉnh và phối hợp Trung tâm Dữ liệu quốc gia triển khai Agent Node; tổ

chức sao lưu định kỳ, ứng phó, khắc phục sự cố kỹ thuật đối với hệ thống thuộc phạm vi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quản lý; được liên hệ trực tiếp đường dây hỗ trợ kỹ thuật khẩn cấp (trực 24/7) của Trung tâm Dữ liệu quốc gia khi có sự cố nghiêm trọng, đồng thời thông báo Bộ phận Quản trị dữ liệu để theo dõi.

4. Bộ phận Tạo lập dữ liệu (Tầng 2), do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn, tổng hợp chung, thực hiện chức năng: Hướng dẫn thống nhất quy trình, tiêu chuẩn thu thập, nhập liệu, cập nhật dữ liệu; từng Sở, ban, ngành trực tiếp đảm nhiệm chức năng tạo lập đối với dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của mình theo nguyên tắc một dữ liệu - một nguồn tạo lập; trực tiếp xây dựng, hướng dẫn, quản lý Mạng lưới đầu mối dữ liệu cấp xã, tiếp nhận phản ánh từ mạng lưới này theo Điều 10 Quy định này.

5. Bộ phận Đổi mới sáng tạo (Tầng 2), do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thực hiện chức năng: Ưu tiên xây dựng, triển khai bảng điều khiển (Dashboard) trực quan hóa dữ liệu phân tích kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh thông qua Trung tâm Điều hành thông minh (IOC); tổ chức đề án, dự án thử nghiệm ứng dụng công nghệ dữ liệu mới; khi dữ liệu của tỉnh đạt mức độ trưởng thành phù hợp, đề xuất mở rộng ứng dụng học máy, trí tuệ nhân tạo phục vụ dự báo, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp xây dựng, khai thác Kho dữ liệu IOC, Kho dữ liệu IoT phục vụ phát triển kinh tế và các sản phẩm dữ liệu mở của tỉnh.

Điều 8. Bảo đảm tính độc lập của Bộ phận Tuân thủ

1. Bộ phận Tuân thủ thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về dữ liệu và Quy định này một cách độc lập với hoạt động điều hành chuyên môn, kỹ thuật của CDO tỉnh và 04 Bộ phận vận hành; kết luận kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý vi phạm của Bộ phận Tuân thủ không phải thông qua CDO tỉnh phê duyệt hoặc cho ý kiến trước khi ban hành.

2. CDO tỉnh, các Bộ phận vận hành và các sở, ban, ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Bộ phận Tuân thủ; tổ chức khắc phục các tồn tại, hạn chế do Bộ phận Tuân thủ chỉ ra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro, vi phạm nghiêm trọng vượt thẩm quyền xử lý thông thường, Bộ phận Tuân thủ được báo cáo trực tiếp Ban Chỉ đạo tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời thông báo CDO tỉnh để phối hợp xử lý.

4. Trường hợp phát sinh tranh chấp về thẩm quyền, phạm vi xử lý giữa Bộ phận Tuân thủ với CDO tỉnh hoặc các Bộ phận vận hành, các bên báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành (Data Steward) - Mạng lưới thứ nhất

1. Mỗi Sở, ban, ngành tỉnh phân công ít nhất 01 công chức, viên chức kiêm nhiệm làm Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành cho mỗi lĩnh vực, miền dữ

liệu thuộc phạm vi quản lý; hợp thành Mạng lưới Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành của tỉnh.

2. Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành là đầu mối phối hợp với các Bộ phận vận hành trong công tác tạo lập, cập nhật, bảo đảm chất lượng, kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; không thay thế thẩm quyền quyết định nghiệp vụ và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đối với nội dung nghiệp vụ, nguồn gốc, tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và chất lượng dữ liệu tại nguồn; thực hiện chế độ báo cáo song song về Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và về Bộ phận Quản trị dữ liệu (Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp chung toàn tỉnh.

3. Khi Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành và Bộ phận Quản trị dữ liệu có ý kiến khác nhau về định nghĩa, tiêu chuẩn hoặc quy tắc xử lý dữ liệu chuyên ngành, Bộ phận Quản trị dữ liệu tổ chức họp kỹ thuật để thống nhất; trường hợp không đạt đồng thuận, trình CDO tỉnh quyết định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức giao ban, tập huấn định kỳ cho Mạng lưới Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành.

Điều 10. Đầu mối dữ liệu cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã phân công ít nhất 01 cán bộ, công chức kiêm nhiệm làm đầu mối dữ liệu cấp xã, hợp thành Mạng lưới đầu mối dữ liệu cấp xã của tỉnh; không yêu cầu tự bảo đảm năng lực kỹ thuật chuyên sâu.

2. Đầu mối dữ liệu cấp xã trực tiếp thực hiện số hóa hồ sơ, nhập liệu, cập nhật kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra, đối soát dữ liệu tại nguồn thuộc địa bàn; phản ánh khó khăn, vướng mắc phát sinh về Bộ phận Tạo lập dữ liệu (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Đầu mối dữ liệu cấp xã không đồng thời đảm nhiệm vai trò Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành quy định tại Điều 9 Quy định này.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ

Điều 11. Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Chỉ đạo thống nhất công tác quản trị, quản lý dữ liệu trên địa bàn tỉnh; cho ý kiến chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn.

2. Phê duyệt hoặc cho ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt định hướng, kế hoạch, quy chế, quy định, tiêu chí, ngưỡng chất lượng dữ liệu quan trọng của tỉnh.

3. Định kỳ nghe báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Quy định này; quyết định điều chỉnh mô hình tổ chức, phân công khi cần thiết.

Điều 12. Công an tỉnh

Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu (Tầng 1) và cơ quan chủ trì Bộ phận Tuân thủ, Công an tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện pháp luật về dữ liệu trên địa bàn tỉnh; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về dữ liệu, an ninh, an toàn dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính; phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về dữ liệu theo thẩm quyền.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu, phòng ngừa và xử lý rủi ro, sự cố an ninh dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức đánh giá, giám sát hoạt động liên quan đến dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cá nhân theo quy định.

5. Nghiên cứu, đề xuất biện pháp, công cụ phục vụ quản lý, kiểm tra, giám sát dữ liệu; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý khi phát hiện vi phạm.

6. Chủ trì thực hiện chức năng Bộ phận Tuân thủ theo Điều 7, Điều 8 Quy định này: kiểm tra việc tuân thủ tiêu chí, quy tắc, quy trình, thời hạn xử lý sự cố chất lượng dữ liệu; kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, nhật ký đo lường, nhật ký xử lý sự cố; giám sát việc tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, an toàn thông tin, phân quyền truy cập; phát hiện, cảnh báo, kiến nghị xử lý hành vi can thiệp, sửa đổi hoặc làm sai lệch kết quả đánh giá chất lượng dữ liệu; thực hiện kiểm tra độc lập kết quả khắc phục khi cần thiết, không trực tiếp sửa đổi dữ liệu nguồn hoặc vận hành thay các Bộ phận vận hành.

7. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung tình hình thực hiện Quy định này; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất trình Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo khoản 2 Điều 20 Quy định này.

8. Tổng hợp, cập nhật danh sách CDO tỉnh, đầu mối các Bộ phận vận hành, Mạng lưới Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành, Mạng lưới đầu mối dữ liệu cấp xã, gửi Trung tâm Dữ liệu quốc gia và thông báo các cơ quan, đơn vị liên quan (nhiệm vụ tổng hợp hành chính phục vụ báo cáo Trung tâm Dữ liệu quốc gia, không làm thay đổi thẩm quyền chủ trì chuyên môn quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 13 Quy định này).

9. Là đầu mối phối hợp với Bộ phận Tuân thủ của Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo Điều 22 Quy định này về nội dung quản lý nhà nước, tuân thủ pháp luật, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cá nhân có phạm vi ảnh hưởng liên ngành, liên vùng.

Điều 13. Sở Khoa học và Công nghệ

Là đầu mối bố trí CDO tỉnh và cơ quan chủ trì 04 Bộ phận vận hành (Quản trị dữ liệu, Kỹ thuật dữ liệu, Tạo lập dữ liệu, Đổi mới sáng tạo), Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CDO tỉnh theo Điều 6 Quy định này; bảo đảm nhân lực, điều kiện kỹ thuật phục vụ công tác quản trị, quản lý dữ liệu trong phạm vi được giao.

2. Thực hiện chức năng Bộ phận Quản trị dữ liệu: xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, Từ điển dữ liệu cấp tỉnh, tiêu chuẩn và ngưỡng chất lượng dữ liệu; tiếp nhận, thẩm định, điều phối yêu cầu khai thác dữ liệu của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; chủ trì xây dựng, điều phối Mạng lưới Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành theo Điều 9 Quy định này; tổ chức tính toán, công bố Chỉ số chất lượng dữ liệu (DQI) của tỉnh; là đầu mối chính, cơ quan thường trực tiếp nhận, tổng hợp, điều phối các yêu cầu phối hợp về chính sách, nghiệp vụ, cấp quyền truy cập, tạo lập, đổi mới sáng tạo dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; chủ trì hòa giải các bất đồng về nghiệp vụ, thuật ngữ, cấu trúc dữ liệu giữa các Bộ phận vận hành, trình CDO tỉnh quyết định nếu không đạt đồng thuận.

3. Thực hiện chức năng Bộ phận Kỹ thuật dữ liệu: quản trị, vận hành LDOP tỉnh, phối hợp Trung tâm Dữ liệu quốc gia triển khai Agent Node; thực hiện quản trị, vận hành hoặc phối hợp quản trị, vận hành các nền tảng, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các hệ thống, hạ tầng thuộc phạm vi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quản lý; hướng dẫn, điều phối về yêu cầu kỹ thuật, kết nối, tích hợp, sao lưu, bảo đảm an toàn và khả năng liên thông đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị khác; tổ chức sao lưu định kỳ, trực vận hành, ứng phó và khắc phục sự cố kỹ thuật; được liên hệ trực tiếp đường dây hỗ trợ kỹ thuật khẩn cấp (trực 24/7) của Trung tâm Dữ liệu quốc gia khi xảy ra sự cố kỹ thuật nghiêm trọng, đồng thời thông báo ngay Bộ phận Quản trị dữ liệu để phối hợp theo dõi.

4. Thực hiện chức năng Bộ phận Tạo lập dữ liệu: hướng dẫn, đôn đốc, hỗ trợ các sở, ban, ngành trong công tác tạo lập, thu thập, cập nhật, đối soát, chuẩn hóa dữ liệu; trực tiếp xây dựng, hướng dẫn nghiệp vụ, tập huấn, quản lý Mạng lưới đầu mối dữ liệu cấp xã theo Điều 10 Quy định này.

5. Thực hiện chức năng Bộ phận Đổi mới sáng tạo theo Điều 7 Quy định này; chủ trì quy hoạch, tổ chức Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (Kho dữ liệu lõi, Kho quản trị, Kho dữ liệu IoT phục vụ quản lý nhà nước thuộc Phạm vi I; phối hợp tổ chức Kho IOC, Kho IoT phát triển kinh tế thuộc Phạm vi II).

6. Tiếp nhận báo cáo của các cơ quan, đơn vị theo điểm b khoản 1 Điều 20 Quy định này; phối hợp Công an tỉnh tổng hợp báo cáo chung theo khoản 2 Điều 20 Quy định này; tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nội dung chuyên môn, kỹ thuật thuộc phạm vi phụ trách.

Điều 14. Sở Nội vụ

1. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công CDO tỉnh; có ý kiến về phương án bố trí nhân sự thực hiện chức năng các Bộ phận chuyên trách, Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành, đầu mối dữ liệu cấp xã trong phạm vi bộ máy, biên chế hiện có thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ.

2. Phối hợp hướng dẫn việc đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ quản trị, quản lý dữ liệu vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng và đánh giá, xếp loại chất lượng.

3. Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Điều 15. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản trị, quản lý dữ liệu của tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

Điều 16. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Là đầu mối tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến mô hình tổ chức, phân công trách nhiệm, cơ chế phối hợp quy định tại Quy định này.

2. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định; phối hợp Công an tỉnh tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 17. Các sở, ban, ngành có liên quan

1. Là chủ thể tạo lập, quản lý dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý; chịu trách nhiệm bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất" ngay tại nguồn, không ủy thác trách nhiệm làm sạch dữ liệu cho Bộ phận Quản trị dữ liệu, Bộ phận Kỹ thuật dữ liệu hoặc Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

2. Phân công Nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành theo Điều 9 Quy định này; phối hợp Bộ phận Quản trị dữ liệu, Bộ phận Kỹ thuật dữ liệu, Bộ phận Tuân thủ khi có cảnh báo, yêu cầu rà soát, xác minh, xử lý sự cố chất lượng dữ liệu.

3. Đăng ký kết nối, khai thác dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, bộ, ngành Trung ương qua Nền tảng NDOP/LDOP theo nhu cầu nghiệp vụ; không tự ý thiết lập kết nối ngoài NDOP/LDOP; không đầu tư mới hạ tầng công nghệ thông tin trùng lặp với năng lực đã được Trung tâm Dữ liệu quốc gia đáp ứng.

Điều 18. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tạo lập, cập nhật dữ liệu phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước tại địa bàn; bảo đảm chất lượng dữ liệu tại nguồn.

2. Sử dụng hệ thống, nền tảng dùng chung của tỉnh, không đầu tư kho dữ liệu, hệ thống riêng; phân công đầu mỗi dữ liệu cấp xã theo Điều 10 Quy định này.

3. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh khi được hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật.

Chương IV

CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Điều 19. Giao ban, trao đổi định kỳ

1. Sở Khoa học và Công nghệ (CDO tỉnh) và Công an tỉnh (Bộ phận Tuân thủ) tổ chức giao ban đánh giá về tình hình quản trị, tuân thủ dữ liệu tại địa phương tối thiểu 01 lần/quý; mời đại diện các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan tham dự khi cần thiết.

2. Tại buổi giao ban, CDO tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo tiến độ khắc phục các tồn tại do Bộ phận Tuân thủ chỉ ra; không can thiệp vào kết luận giám sát, xử lý vi phạm của Bộ phận Tuân thủ theo Điều 8 Quy định này.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp về thẩm quyền giữa CDO tỉnh và Bộ phận Tuân thủ trong quá trình phối hợp, các bên báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hằng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý), các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chế độ báo cáo theo nội dung như sau:

a) Nội dung về quản lý nhà nước, tuân thủ pháp luật về dữ liệu, an ninh, an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và xử lý vi phạm: báo cáo Công an tỉnh (qua Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội);

b) Nội dung về quản trị dữ liệu, chất lượng dữ liệu, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, kỹ thuật, vận hành LDOP và hoạt động của các Bộ phận vận hành: báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ (CDO tỉnh).

2. Công an tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp tổng hợp báo cáo chung, trình Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

3. Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo định kỳ kết quả đánh giá Chỉ số chất lượng dữ liệu (DQI), tình hình khắc phục sự cố theo quy chế quản lý chất lượng dữ liệu của tỉnh.

4. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Công an tỉnh (đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Điều 21. Phát hiện, xử lý mâu thuẫn, sự cố chất lượng dữ liệu trong nội bộ tỉnh

1. Khi phát hiện mâu thuẫn, sai lệch dữ liệu giữa các Sở, ban, ngành hoặc giữa dữ liệu của tỉnh với dữ liệu do Trung tâm Dữ liệu quốc gia, bộ, ngành quản lý, Bộ phận Quản trị dữ liệu là đầu mối tiếp nhận, thông báo cơ quan tạo lập dữ liệu rà soát, xác minh nguyên nhân.

2. Thời hạn rà soát, xác minh và khắc phục thực hiện tương tự khung thời hạn tại Hướng dẫn quản lý và bảo đảm chất lượng dữ liệu kèm theo Công văn số 4856/BCA-TTDLQG (tối đa 05 ngày làm việc để rà soát, xác minh; tối đa 05 ngày làm việc tiếp theo để khắc phục đối với trường hợp dữ liệu nguồn sai; tối đa 15 ngày làm việc đối với trường hợp phức tạp cần xác minh nhiều nguồn); cơ quan chủ quản dữ liệu có văn bản đề nghị gia hạn khi có lý do chính đáng, gửi Bộ phận Quản trị dữ liệu tổng hợp, báo cáo CDO tỉnh.

3. Bộ phận Tuân thủ giám sát việc thực hiện một cách độc lập theo Điều 8 Quy định này; trường hợp quá thời hạn mà chưa khắc phục hoặc sự cố có phạm vi ảnh hưởng lớn, liên quan nhiều cơ quan, đơn vị, Bộ phận Quản trị dữ liệu báo cáo CDO tỉnh xem xét, chỉ đạo; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 22. Phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành Trung ương

1. Mọi hoạt động kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa tỉnh với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành Trung ương thực hiện thống nhất qua Nền tảng NDOP và LDOP tỉnh, tuân thủ nguyên tắc đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng đối tượng, được ghi nhận, giám sát, truy vết đầy đủ và bảo đảm chủ quyền, nguồn gốc dữ liệu.

2. Bộ phận Quản trị dữ liệu (Sở Khoa học và Công nghệ) là đầu mối chính, cơ quan thường trực tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, điều phối yêu cầu phối hợp về chính sách, nghiệp vụ, cấp quyền truy cập, tạo lập, đổi mới sáng tạo dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

3. Đối với nội dung kỹ thuật, vận hành, an toàn thông tin hoặc xử lý sự cố, Bộ phận Kỹ thuật dữ liệu được phối hợp trực tiếp với Bộ phận Kỹ thuật dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia, kể cả qua đường dây hỗ trợ kỹ thuật khẩn cấp (trực 24/7) khi sự cố có tính chất nghiêm trọng, đồng thời thông báo ngay Bộ phận Quản trị dữ liệu để theo dõi, lưu hồ sơ.

4. Bộ phận Tuân thủ (Công an tỉnh) là đầu mối phối hợp với Bộ phận Tuân thủ của Trung tâm Dữ liệu quốc gia đối với nội dung quản lý nhà nước, tuân thủ pháp luật, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cá nhân có phạm vi ảnh hưởng liên ngành, liên vùng.

5. Các yêu cầu phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia có tính chất liên ngành hoặc liên quan đồng thời đến quản trị, kỹ thuật và tuân thủ được thống nhất giữa CDO tỉnh và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh trước khi gửi.

Điều 23. Xử lý vướng mắc vượt thẩm quyền

Cơ quan, đơn vị có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này phản ánh về Bộ phận Quản trị dữ liệu (đối với nội dung chính sách, nghiệp vụ) hoặc Công an tỉnh - Cơ quan Thường trực (đối với nội dung tuân thủ, quản lý nhà nước) để tổng hợp, báo cáo CDO tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo; đối với vướng mắc kỹ thuật kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp báo cáo, đề nghị Trung tâm Dữ liệu quốc gia hướng dẫn, hỗ trợ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Lộ trình triển khai

1. Giai đoạn 1 (Rà soát, kiện toàn mô hình tổ chức): hoàn thành việc rà soát hiện trạng, kiện toàn mô hình tổ chức, phân công CDO tỉnh và đầu mối 05 Bộ phận trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực; tổng hợp, gửi Trung tâm Dữ liệu quốc gia danh sách CDO tỉnh, đầu mối các Bộ phận và đầu mối liên quan.

2. Giai đoạn 2 (Chuẩn hóa năng lực nhân sự, thiết lập cơ chế phối hợp): hoàn thành trong vòng 06 tháng kể từ ngày hoàn thành Giai đoạn 1, gồm rà soát nhu cầu đào tạo, tổ chức hoặc tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg, thiết lập và đưa vào áp dụng cơ chế phối hợp quy định tại Chương IV Quy định này.

3. Giai đoạn 3 (Vận hành thường xuyên, rà soát, củng cố mô hình): thực hiện thường xuyên, liên tục kể từ khi hoàn thành Giai đoạn 2, gắn với việc rà soát định kỳ theo Điều 26 Quy định này.

Điều 25. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản trị, quản lý dữ liệu theo Quy định này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Rà soát, sửa đổi, bổ sung

Công an tỉnh (Cơ quan Thường trực) chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ rà soát tổng thể sự phù hợp của mô hình tổ chức, phân công trách nhiệm, cơ chế phối hợp tối thiểu 01 lần/năm hoặc khi có thay đổi lớn về chính sách của Trung ương, mô hình tổ chức bộ máy hoặc yêu cầu thực tiễn của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc

Quy định này; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.